**PHÂN TÍCH CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP**

***Đinh Thị Thu Hiền***

Chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là biểu hiện bằng tiền của các hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà doanh nghiệp đã bỏ ra trong một kỳ kinh doanh nhất định (tháng, quý, năm). Thực chất chi phí san xuất chính là sự dịch chuyển vốn-chuyển dịch giá trị của các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất vào các đối tượng tính giá (sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ..). Nghiên cứu về chi phí sản xuất kinh doanh luôn là nhiệm vụ hết sức quan trọng trong công tác quản lý chi phí, ảnh hưởng lớn đến lợi ích kinh tế của doanh nghiệp.

Phân tích chi phí sản xuất kinh doanh ở từng lĩnh vực hoạt động luôn khác nhau, tuy nhiên đều cùng mục đích là kiểm soát chi phí ở mức tối thiểu nhất. Để thực hiện mục đích trên, các phương pháp và nội dung phân tích đều được thực hiện một cách thường xuyên và có hiệu quả cao. Tùy thuộc vào cách phân loại chi phí trong quản lý của doanh nghiệp để tiến hành thực hiện phân tích cụ thể như sau:

***1. Phân tích cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố***

Chi phí sản xuất kinh doanh doanh nghiệp gồm nhiều loại, xét theo nội dung kinh tế, chi phí sản xuất kinh doanh bao gồm những yếu tố sau:

+ Chi phí nguyên vật liệu

+ Chi phí nhân công

+ Chi phí khấu hao tài sản cố định

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài

+ Chi phí khác bằng tiền

Phân tích cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh nhằm xác định tỷ trọng của từng yếu tố chi phí trong tổng chi phí sản xuất kinh doanh, qua đó có những đánh giá về đặc trưng chi phí của doanh nghiệp.

Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh tùy thuộc vào đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của từng ngành sản xuất và mức độ hoạt động, công tác đầu tư của doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nặng thì tỷ trọng chi phí khấu hao lớn. Doanh nghiệp chế biến nông, thủy sản thì chi phí nguyên vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn, . . .Tỷ trọng chi phí nhân công tùy thuộc vào quy mô lao động, cũng như trình độ trang bị cho quá trình sản xuất (tự động hóa, cơ giới hóa, lao động thủ công, . . .)

*VD.* Phân tích chi phí sản xuất của một doanh nghiệp trong năm N.

**BẢNG PHÂN TÍCH CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM N (1.000 đ)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Yếu tố chi phí** | **Kế hoạch** | **Thực tế** |
| **Mức** | **%** | **Mức** | **%** |
| Chi phí nguyên vật liệu Chi phí nhân côngChi phí khấu hao t/sản cố định Chi phí dịch vụ mua ngoàiChi phí khác bằng tiền | 115851.25069086 | 5,093,7655,3130,533,81 | 140951.350720106 | 5,813,9455,992,864,40 |
| **Tổng cộng** | **2.260** | **100** | **2.411** | **100** |

Từ bảng phân tích trên ta thấy trong tổng số chi phí của doanh nghiệp thì chi phí khấu hao tài sản cố định và chi phí dịch vụ mua ngoài chiếm tỷ trọng lớn (khoảng 56% và 30% ) và thực tế biến động không đang kể so với kế hoạch, các loại chi phí khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng chi phí sản xuất. Với tỷ trọng chi phí sản xuất như trên thì đây là một doanh nghiệp có yêu cầu lớn về đầu tư máy móc thiết bị, nhu cầu về chi phí nguyên vật liệu và nhân công thấp.

***2. Phân tích cơ cấu giữa chi phí biến đổi và chi phí cố định***

Để tiến hành sản xuất sản phẩm và tiêu thụ sản phẩm, doanh nghiệp phải bỏ ra nhiều loại chi phí khác nhau. Tuy nhiên, nếu căn cứ theo tính chất của khoản chi biến động hay không biến động của khối lượng sản phẩm sản xuất và tiêu thụ thì chi phí được chia thành biến phí và định phí

- *Biến phí hay chi phí biến đổi:* là những chi phí về mặt tổng số thay đổi tỷ lệ với những thay đổi của sản lượng sản phẩm sản xuất và tiêu thụ. Chi phí biến đổi (biến phí) gồm: biến phí nguyên vật liệu trực tiếp, biến phí nhân công trực tiếp, biến phí sản xuất chung, biến phí bán hàng và biến phí qủan lý doanh nghiệp.

- *Định phí hay chi phí cố định:* là những chi phí về mặt tổng số không thay đổi trong phạm vi hoạt động của doanh nghiệp như: chi phí khấu hao tài sản cố định, tiền thuê nhà, thuê thiết bị, tiền lương bộ phận qủan lý,...

Với những đặc điểm trên, phân tích cơ cấu giữa định phí và biến phí bao gồm những nội dung sau:

*- Phân tích cơ cấu giữa định phí và biến phí:* Do tổng biến phí luôn gắn liến với một mức sản xuất và tiêu thụ nên phân tích cơ cấu của hai loại này tại mỗi mức hoạt động sẽ chỉ ra tác động của chúng đối với lợi nhuận khi sản lượng thay đổi. Nếu định phí chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất kinh doanh và tỷ trọng này không giảm khi số lượng sản xuất và tiêu thụ giảm thì cơ cấu định phí trong trường hợp này làm giảm đáng kể lợi nhuận.

*- Phân tích cơ cấu của từng yếu tố thuộc biến phí:*việc phân tích này sẽ cho thấy loại biến phí gì, phát sinh ở khâu nào, bộ phận nào ảnh hưởng đến tổng biến phí, qua đó chỉ ra khả năng cắt giảm từng yếu tố biến phí nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

***Ví dụ minh họa*** mối quan hệ này, ta phân tích cách ứng xử chi phí, giá bán và số lượng sản phẩm tiêu thụ của hai doanh nghiệp A và B.

Hai doanh nghiệp cùng kinh doanh một loại sản phẩm, giả định giá bán như nhau là 1.500đồng. Tổng định phí và biến phí sản xuất và tiêu thụ được cho như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Nội dung chi phí | Doanh nghiệp A | Doanh nghiệp B |
| 1.Tổng định phí2.Biến phí sản xuất và tiêu thụ | 750.000800 | 500.0001.000 |

Phân tích cơ cấu giữa định phí và biến phí tác động như thế nào khi mức sản xuất và tiêu thụ thay đổi. Với số liệu trên, ta có:

**CHI PHÍ VÀ LỢI NHUẬN CỦA DOANH NGHIỆP A**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số lượng** | **Doanh thu** | **Tổng biến phí** | **Tổng ĐP** | **Tổng CP** | **Lợi nhuận** | **Tỷ trọng****đ.phí (%)** |
| 0 | 0 | 0 | 750.000 | 750.000 | (750.000) | 100 |
| 500 | 750.000 | 400.000 | 750.000 | 1.150.000 | (400.000) | 65,2 |
| 1.000 | 1.500.000 | 800.000 | 750.000 | 1.550.000 | (50.000) | 48,4 |
| 1.500 | 2.250.000 | 1.200.000 | 750.000 | 1.900.000 | 300.000 | 38,5 |
| 2.000 | 3.000.000 | 1.600.000 | 750.000 | 2.350.000 | 650.000 | 31,9 |
| 2.500 | 3.750.000 | 2.000.000 | 750.000 | 2.750.000 | 1.000.000 | 27,3 |
| 3.000 | 4.500.000 | 2.400.000 | 750.000 | 3.150.000 | 1.350.000 | 23,8 |

**CHI PHÍ VÀ LỢI NHUẬN CỦA DOANH NGHIỆP B**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số lượng** | **Doanh thu** | **Tổng BP** | **Tổng ĐP** | **Tổng CP** | **Lợi nhuận** | **Tỷ trọng****đ.phí (%)** |
| 0 | 0 | 0 | 0 | 500.000 | (500.000) | 100 |
| 500 | 750.000 | 500.000 | 500.000 | 1.000.000 | (250.000) | 50 |
| 1.000 | 1.500.000 | 1.000.000 | 500.000 | 1.500.000 | 0 | 33,3 |
| 1.500 | 2.250.000 | 1.500.000 | 500.000 | 2.000.000 | 250.000 | 25 |
| 2.000 | 3.000.000 | 2.000.000 | 500.000 | 2.500.000 | 500.000 | 20 |
| 2.500 | 3.750.000 | 2.500.000 | 500.000 | 3.000.000 | 750.000 | 16,6 |
| 3.000 | 4.500.000 | 3.000.000 | 500.000 | 3.500.000 | 1.000.000 | 14,2 |

*Nhận xét:*Khi số lượng sản phẩm sản xuất và tiêu thụ cùng tăng trong phạm vi hoạt động của doanh nghiệp thì tỷ trọng định phí trong tổng chi phí của cả hai doanh nghiệp đều giảm và ngược lại.

 - Doanh nghiệp B: xét mối quan hệ giữa định phí và lợi nhuận ở mức slản lượng 1.000 sản phẩm, tỷ trọng định phí 33,3% và doanh nghiệp không có lãi (lỗ). Khi mức sản xuất và tiêu thụ vượt 1.000 sản phẩm thì tỷ trọng định phí nhỏ hơn 33,3% và doanh nghiệp có lãi. Ngược lại, khi sản lượng sản xuất và tiêu thụ dưới 1.000 sản phẩm thì tỷ trọng định phí gia tăng và doanh nghiệp lỗ.

 Như vậy, khai thác năng lực tiềm tàng của doanh nghiệp sẽ làm thay đổi tỷ trọng định phí góp phần làm tăng lợi nhuận. Phân tích xu hướng cơ cấu định phí trong nhiều kỳ sẽ dự đoán được khả năng lợi nhuận của doanh nghiệp.

 - So sánh hai doanh nghiệp tại mức sản xuất và tiêu thụ 2.000 sản phẩm: nếu số lượng sản phẩm giảm xuống đến mức 1.500 sản phẩm (tỷ lệ giảm 25%) thì lợi nhuận doanh nghiệp A giảm từ 650.000 còn 300.000 (tỷ lệ giảm 54%), trong khi lợi nhuận của doanh nghiệp B giảm từ 500.000 còn 250.000 (tỷ lệ giảm 50%).

 Ngược lại, nếu số lượng sản phẩm tăng 2.500 sản phẩm thì lợi nhuận doanh nghiệp A tăng lên1.000.000 (tỷ lệ tăng 54%), trong khi lợi nhuận doanh nghiệp B tăng đến 750.000 (tỷ lệ tăng 50%).

 *Vậy, tại cùng một mức hoạt động, doanh nghiệp nào có tỷ trọng định phí lớn thì tốc độ tăng (giảm) lợi nhuận của doanh nghiệp đó lớn hơn doanh nghiệp có tỷ trọng định phí thấp hơn khi sản lượng sản xuất và tiêu thụ thay đổi.*

*- Phân tích cơ cấu của từng yếu tố thuộc định phí:* về nguyên tắc thì tổng định phí không thay đổi nhưng xét theo khả năng kiểm soát chi phí thì chi phí được chia thành định phí bắt buộc và định phí tùy ý. Việc phân tích này sẽ cho ta thấy tỷ trọng của từng loại định phí trong tổng định phí. Nếu định phí bắt buộc chiếm tỷ trọng lớn thì doanh nghiệp cần phải gia tăng khối lượng sản phẩm sản xuất và tiêu thụ trong phạm vi năng lực kinh doanh để làm giảm định phí đơn vị sản phẩm, góp phần làm tăng lợi nhuận. Nếu định phí tùy ý chiếm tỷ trọng lớn thì rà soát lại nội dung từng loại định phí để có hướng cắt giảm nhưng vẫn đạt mục tiêu đề ra.

*Tóm lại,* phân tích cơ cấu biến phí và định phí luôn gắn liền với những mức sản xuất và tiêu thụ. Trong một phạm vị hoạt động, khi số lượng sản phẩm sản xuất và tiêu thụ của doanh nghiệp càng tăng thì tỷ trọng định phí giảm dần, lợi nhuận của doanh nghiệp càng tăng và ngược lại. Doanh nghiệp nào có tỷ trọng định phí cao sẽ có tốc độ gia tăng lợi nhuận khi số lượng sản phẩm sản xuất và tiêu thụ tăng. Cơ cấu định phí được xem là đòn bẩy kích thích gia tăng lợi nhuận. Phân tích cơ cấu biến phí và định phí còn chỉ ra cơ hội cắt giảm định phí, biến phí, khai thác các năng lực của doanh nghiệp để gia tăng lợi nhuận.

**Trao đổi: Trường hợp chi phí mang tính chất của chi phí hỗn hợp thì cách phân tích chi phí sản xuất kinh doanh thực hiện như thế nào? Thông thường cách phân loại chi phí nào được sử dụng nhiều hơn?**

**Tài liệu tham khảo:**

- Nguyễn Tấn Bình,(2004),*Phân tích hoạt động doanh nghiệp*, NXB Thống Kê

- Nguyễn Văn Công,(2009), *Giáo trình phân tích kinh doanh*, NXB Đại học kinh tế quốc dân

- Phạm Thị Gái,(2004), *Giáo trình phân tích hoạt động kinh doanh*, Đại học kinh tế quốc dân

- Nguyễn Năng Phúc,(2008) *Giáo trình Phân tích Báo cáo tài chính,* NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân

- Trương Bá Thanh,(2005), *Giáo trình Phân tích Tài chính doanh nghiệp(Phần II),* Đại học Kinh Tế Đà Nẵng.